TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-ST.
Ngày 30/8/2018
V/v "*Tranh chấp biêu và hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Lưu Văn Thảo
+ Ông Tô Đình Trị.
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga– Cán bộ Tòa án huyện Thăng Bình.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện T, Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc*"Tranh chấp biêu và hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L– Sinh năm 1950. Có mặt.
Trú tại: Tổ 15, thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam
+ Bị đơn: Ông Hồ Hùng – Sinh năm 1978. Có mặt.
Trú tại: Tổ 1, thôn H, xã B, huyện T, Quảng Nam
+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Bà Phạm Thị Ngân, sinh năm 1978. Có mặt.
Trú tại: Tổ 1, thôn H, xã B, huyện T, Quảng Nam
- Ngân hàng TMCP Á Châu
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải Phú – Giám đốc Ngân hàng thương mại Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam. Có mặt.
+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ H và bà Phạm Thị N: Luật sư Phạm Xuân Linh, luật sư của Văn phòng luật sư Thanh An- Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn kiện đề ngày 20/7/2017 và tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 13.6.2016 bà có cho ông Hồ H mượn số tiền 730.000.000 đồng. Khi mượn tiền ông H có hứa là sẽ trả trong thời gian không quá 10 ngày, nếu quá thời gian trên mà ông H không trả nợ thì ông H còn phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng.

Ông H có ký xác nhận có nợ của bà L số tiền 730.000.000 đồng trong giấy cho mượn tiền ngày 13/6/2016 do bà L ghi. Theo bà L đây là giấy xác nhận nợ mà hai bên đã chốt nợ, số tiền này được cộng dồn từ các khoản ông H nợ biêu năm 2016 là 270.000.000 đồng và tiền nợ vay 460.000.000 đồng gồm 4 lần vay từ ngày 23/5/2016 đến ngày 08/6/2016 âm lịch.

Bà đã yêu cầu ông H trả nợ nhiều lần nhưng ông H hẹn mãi mà không chịu trả. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu tòa giải quyết buộc ông H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 730.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 30/8/2018 với mức lãi trung bình của Ngân Hàng hiện nay là 7%/ năm.

Còn việc ông H khai trong năm 2016 ông H có mượn bà L 50.000.000 đồng nhưng ông đã bán cho bà L một lô đất ở thôn H, xã B giá 160.000.000 đồng cho bà L nhưng bà L chỉ trả cho ông H 110.000.000 đồng nên số tiền 50.000.000 đồng này ông đã trả xong là không đúng. Việc ông H bán lô đất đó là bán cho trai bà L, hoàn toàn không liên quan đến các khoản nợ mà ông H đang nợ bà L.

Tại phiên tòa, bà L có xuất trình thêm chứng cứ là hai giấy mượn tiền do ông H viết gồm một giấy mượn tiền ghi hai lần vay với số tiền là 250.000.000 đồng và một giấy mượn số tiền 60.000.000 đồng tổng cộng là 310.000.000 đồng, còn hai tờ giấy mượn tiền khác bà L khai đã bị thấm nước mưa không còn đọc được nên bà L đã không còn giữ.

Bị đơn ông Hồ H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 27.3.2018 và tại phiên Tòa:

Ông không thống nhất với phần trình bày của bà L về việc ông có nợ tiền của bà L với số tiền gốc 730.000.000 đồng và mức lãi 7%/năm như bà L yêu cầu. Ông H chỉ thừa nhận có nợ của bà L 270.000.000 đồng là số tiền ông đã hốt biêu đầu do bà L cầm cái trong năm 2016. Tổng số tiền hốt biêu là 300.000.000 đồng, ông đã đóng một tháng biêu chết là 30.000.000 đồng nhưng đến những tháng sau ông không có tiền đóng biêu nên ông chỉ nợ bà L 270.000.000 đồng.

Ngoài số tiền này, trước đây trong năm 2016 ông có mượn bà L 50.000.000 đồng nhưng ông đã bán cho bà L một lô đất ở thôn H, xã B với giá 160.000.000 đồng, bà L chỉ trả cho ông 110.000.000 đồng nên số tiền 50.000.000 đồng này ông đã trả xong. Ngoài ra ông không nợ của bà L khoản nợ nào khác và ông cũng không ghi bất kỳ một giấy nợ nào khác cho bà L.

Còn việc ông ghi xác nhận nợ với bà L ngày 13/6/2016 với nội dung *"Con là Hồ H, ở tổ 1, thôn 1 B có nợ bà L số tiền trên con hứa sẽ trả góp ngày 200.000 đồng, nếu con không trả con sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm. Không góp thì chịu lãi ngân hàng"* là do khi đó ông nợ tiền biêu của bà L 270.000.000 đồng nhưng không có tiền trả nên ngày 13/6/2016 bà L đến nhà ông đòi nợ, lúc nhà có đông khách, sợ bà L gây ồn ào nên khi bà L yêu cầu ông phải viết giấy nhận nợ thì ông đã viết nội dung nêu trên trên một trang giấy trong quyển vở mà bà L đưa, việc ông ghi *"...có nợ bà L số tiền trên..."* tức là nợ số tiền 270.000.000 đồng tiền biêu, chứ không phải nợ 730.000.000 đồng như bà L khai, theo ông H khi ông viết nội dung này thì mặt trước của trang giấy này bà L chưa ghi gì.

Còn việc ông viết bản tự khai tại trại giam Công an Quảng Nam vào ngày 11/10/2017 với nội dung có nợ bà L 804.642.000 đồng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là do: khi nhận được thông báo thụ lý vụ án số 45/2017/DSST –QĐ ngày 03/10/2017 của Tòa án huyện T do quản giáo trại giam đưa cho ông, khi đó ông có

đọc bản thông báo thụ lý vụ án này của Tòa nhưng ông không hiểu thông báo ghi gì, và khi ông ghi bản tự khai ngày 11/10/2017 ông cũng không biết mình đang viết gì, các nội dung này là do quản giáo đã đọc cho ông viết. Khi đó ông nghĩ do ông đang bị tạm giam về hành vi tổ chức đánh bạc nên gia đình ông đã báo cáo cho cơ quan chức năng là ông nợ rất nhiều tiền, vì thế mà ông phải đã tổ chức đánh bạc để kiếm tiền trả nợ nhằm giảm nhẹ tôi cho ông chứ thực ra ông không nợ bà Loan số tiền này.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông phải trả 730.000.000 đồng và mức lãi 7%/ năm, ông chỉ đồng ý trả số tiền nợ biêu là 270.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi vì các bên đương sự không thỏa thuận về mức lãi là bao nhiêu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP ACB do ông Nguyễn Hải Phú – Giám đốc Ngân hàng thương mại Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam trình bày:

Ngày 14/11/2016, ông Hồ H và bà Phạm Thị N có vay của Ngân hàng thương mại Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam số tiền gốc là 800.000.000 đồng với lãi suất trong hạn 12 tháng là 11%/ năm, khi vay ông H và bà N đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 665, tờ bản đồ số 8, tại thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam của vợ chồng ông Hồ H và bà Phạm Thị N theo hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp ngày 14/11/2016. Hiện nay ông H, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tuy nhiên, ngày 10.11.2017 TAND huyện T ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" và "Cấm dịnh chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất" đối với tài sản trên, nên khi đó ngân hàng không thể tiến hành xử lý tài sản bảo đảm này. Đến ngày 8/2/2018 Tòa án đã ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT để ngân hàng xử lý tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP ACB; ông Hồ H, bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị L tiếp tục giữ nguyên thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 6/2/2016: Khi Tòa án hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT theo đề nghị của bà L Ngân hàng TMCP ACB sẽ xử lý tài sản thế chấp của bà Phạm Thị N và ông Hồ H là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 665, tờ bản đồ số 8, tại thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng thế chấp và hợp đồng vay ngày 14/11/2016 với giá bán không dưới 1.100.000.000 đồng, số tiền này bà N và ông Hồ H sẽ thanh toán hết các khoản nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi với Ngân hàng TMCP ACB. Số tiền còn lại Ngân hàng TMCP ACB sẽ giữ tại tài khoản của bà Phạm Thị N tại Ngân hàng TMCP ACB và phong tỏa số tiền này, chờ bản án của Tòa án giải quyết vụ án này có hiệu lực pháp luật thì N hàng TMCP ACB sẽ giải ngân một nửa số tiền còn lại là phần tài sản của ông H trong khối tài sản chung vợ chồng của bà Ng và ông H, để ông H trả nợ cho bà L theo nội dung bản án đã tuyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:

Việc chồng bà là ông Hồ H có vay hay nợ tiền của bà L hay không thì bà không biết, ông H không nói cho bà biết về các khoản nợ này và ông H cũng không dùng số tiền này sử dụng vào mục đích chung của gia đình, nên bà không liên quan đến việc này, do đó bà không có trách nhiệm phải trả nợ cho bà L. Bà N đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa Đại diện Ngân hàng TMCP ACB, ông Hồ H,

bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị L về việc trả nợ cho ông H như nội dung trình bày của Đại diện Ngân hàng TMCP ACB.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ H và bà Phạm Thị N- luật sư Phạm Xuân L trình bày:

Tôi thống nhất với phần trình bày của chị Ng và anh H, việc anh H xác nhận nợ với bà L ngày 13/6/2016 với số tiền 730.000.000 đồng là giấy xác nhận công nợ chứ không phải là giấy vay tiền, hơn nữa phần nội dung vay tiền 730.000.000 đồng ghi trong giấy này do bà L viết, mặc dù anh H có ký xác nhận ở mặt sau giấy này, nhưng việc anh H ghi *"có nợ bà Loan số tiền trên"* tức là nợ số tiền 270.000.000 đồng tiền biêu, chứ không phải nợ 730.000.000 đồng. Theo anh H thì khi anh viết nội dung này trên trang giấy do bà L đưa thì mặt trước của trang giấy này bà L chưa ghi gì.

Tại phiên hôm nay, bà L có xuất trình thêm chứng cứ là hai giấy mượn tiền do ông H viết gồm một giấy mượn tiền ghi hai lần vay với số tiền là 250.000.000 đồng và một giấy mượn số tiền 60.000.000 đồng, tổng cộng là 310.000.000 đồng, hai giấy mượn tiền này ông H thừa nhận là chữ viết và chữ ký của ông H cộng với số tiền nợ biêu 270.000.000 đồng mà hai bên thống nhất còn nợ, nên đề nghị HĐXX chỉ chấp nhận buộc ông Hồ H phải trả cho bà L tổng số tiền 580.000.000 đồng và không tính lãi là phù hợp với pháp luật. Đồng thời công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông H cho bà L như lời trình bày của đại diện Ngân hàng TMCP ACB

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Mặc dù ông Hồ H không thừa nhận có nợ của L 730.000.000 đồng gồm khoản nợ biêu năm 2016 là 270.000.000 đồng và tiền nợ vay năm 2016 là 460.000.000 đồng, cùng lãi phát sinh của số tiền này kể từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử 30/8/2018 với mức lãi suất là 07%/năm, nhưng qua các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên Tòa thì thấy có đủ căn cứ để xác định Hồ H có nợ của bà L số tiền này. Khi vay mặc dù các bên chỉ có thỏa thuận có trả lãi theo lãi suất của ngân hàng đối với số tiền vay nhưng không thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất là bao nhiêu, tuy nhiên tại phiên Tòa bà L yêu cầu phải trả lãi với mức lãi là 7%, đây là mức lãi trung bình cho khoản vay có kỳ hạn hiện nay và mức lãi suất này không quá 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ lật dân sự 2015 (10%/ năm) nên yêu cầu của bà L là có căn cứ pháp luật. Do đó căn cứ các Điều 463, 466, 471, 468 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thi L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T buộc ông Hồ H phải trả cho bà L số tiền 730.000.000 đồng gồm tiền biêu 270.000.000 đồng và 460.000.000 đồng tiền vay là thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Hồ H cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết các nội dung của vụ án là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Trong các lần hòa giải bị đơn ông Hồ H chỉ thừa nhận có nợ bà L 270.000.000 đồng là số tiền ông H đã hốt biêu của bà L trong tháng 5 năm 2016. Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2018 ông H khai không còn nợ bà L bất kỳ khoản nợ nào khác và không ghi bất kỳ một giấy nợ nào khác cho bà L ngoài giấy nợ ông đã ghi ngày 13/6/2018 có dòng chữ *"tôi Hồ H có nợ bà L số tiền trên"*. Ông H chỉ đồng ý trả số tiền 270.000.000 đồng là tiền nợ biêu và không đồng ý trả lãi theo mức lãi mức 07%/năm vì các bên đương sự có thỏa thuận về lãi nhưng không thỏa thuận rõ mức lãi.

Tuy nhiên, tại phiên Tòa khi L có xuất trình hai giấy mượn tiền gồm một giấy mượn tiền ghi hai lần vay với số tiền là 250.000.000 đồng và một giấy mượn số tiền 60.000.000 đồng, tổng cộng là 310.000.000 đồng đều được ông H xác nhận là do ông H viết, thì ông H cho rằng đây chính là tiền nợ biêu chứ không phải tiền ông mượn của bà L, còn việc số tiền này tăng từ 270.000.000 đồng lên 310.000.000 đồng là do bà L đã tính cả tiền lãi biêu rồi yêu cầu ông ghi hai giấy mượn tiền này. Lời khai này của ông Hồ H hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của ông H tại biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2018.

Hơn nữa, ngoài giấy mượn tiền ghi ngày 13/6/2018 và hai giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp, bản thân ông H đã có bản tự khai ngày 11/10/2017 tại Trại giam công an tỉnh Quảng Nam thừa nhận có nợ của bà L tổng cộng là 804.642.000, gồm 730.000.000 đồng tiền gốc và nợ lãi đến ngày 20/7/2017 là 74.642.000 đồng theo như nội dung thông báo thụ lý vụ án mà Tòa án đã tống đạt cho bị đơn Hồ H tại trại giam Công an tỉnh Quảng Nam. Bản tự khai này thể hiện sự thừa nhận số nợ 730.000.000 đồng và mức lãi 7% như lời trình bày của nguyên đơn, hơn nữa mức lãi suất này không quá 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ lật dân sự 2015 (10%/ năm) tại thời điểm trả nợ nên cóp cơ sở chấp nhận.

Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc ông Hồ H phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền còn nợ biêu là 270.000.000 đồng và nợ vay là 460.000.000 đồng, tổng cộng là 730.000.000 đồng và lãi phát sinh của số tiền này theo mức lãi ngân hàng hiện nay là 7% /năm tính từ ngày 13/6/2016 đến ngày 30/8/2018 thành tiền là 112.956.000 đồng. Tổng cộng là 842.956.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP ACB, ông Hồ H, bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị L tiếp tục giữ nguyên thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 6/2/2016 như sau: Khi Tòa án hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT theo đề nghị của bà L Ngân hàng TMCP ACB sẽ xử lý tài sản thế chấp của bà Phạm Thị N và ông Hồ H là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 665, tờ bản đồ số 8, tại thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng thế chấp và hợp đồng vay ngày 14/11/2016 với giá bán không dưới 1.100.000.000 đồng, số tiền này bà N và ông Hồ H sẽ thanh toán hết

các khoản nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi với Ngân hàng TMCP ACB, số tiền còn lại Ngân hàng TMCP ACB sẽ giữ tại tài khoản của bà Phạm Thị N tại Ngân hàng TMCP ACB -Chi nhánh Quảng Nam và phong tỏa số tiền này đến khi bản án của Tòa án giải quyết vụ án này có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP ACB sẽ giải ngân một nửa số tiền còn lại là phần tài sản của ông H trong khối tài sản chung vợ chồng của bà N và ông H để ông H trả nợ cho bà L theo nội dung bản án đã tuyên về nghĩa vụ trả nợ của ông Hùng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

[4]Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Hồ H phải chịu 42.147.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 471, 468 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thi L, buộc ông Hồ H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 730.000.000 đồng *(Bảy trăm ba mươi triệu đồng)* gồm nợ biêu là 270.000.000 đồng, nợ vay là 460.000.000 đồng và lãi phát sinh của số tiền này theo mức lãi bình quân của ngân hàng hiện nay là 7% /năm tính từ ngày 13/6/2016 đến ngày 30/8/2018 là 112.956.000 *đồng (Một trăm mười hai triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng)*. Tổng số tiền cả gốc và lãi ông Hồ H phải trả cho bà Nguyễn Thị L là 842.956.000 đồng *(Tám trăm bốn mươi hai triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo qui định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015 đến khi trả nợ xong

2/ Công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện Ngân hàng TMCP ACB, ông Hồ H, bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị L về nghĩa vụ thanh toán của ông H như sau: Sau khi Ngân hàng TMCP ACB xử lý bán tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 665, tờ bản đồ số 8, tại thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung của vợ chồng ông Hồ H và bà Phạm Thị N với giá bán không dưới 1.100.000.000 đồng, số tiền này bà Ngân và ông Hồ Hùng sẽ thanh toán hết các khoản nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi phát sinh với Ngân hàng TMCP ACB. Số tiền còn lại Ngân hàng TMCP ACB sẽ giữ tại tài khoản của bà Phạm Thị N tại Ngân hàng TMCP ACB – Chi nhánh Quảng Nam và phong tỏa số tiền này đến khi bản án của Tòa án giải quyết vụ án này có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP ACB – Chi nhánh Quảng Nam sẽ giải ngân một nửa số tiền còn lại là phần tài sản của ông H trong khối tài sản chung vợ chồng của bà N và ông H để trả nợ cho bà L theo nội dung bản án đã tuyên về nghĩa vụ trả nợ của ông H.

3/ Về phần án phí: Xử buộc ông Hồ H phải chịu 42.147.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0020406 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Trần Mạnh Dũng